

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **128/2024/ DS – ST**
Ngày: 23 – 7 – 2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

– Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Cúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Ngọc Thảo và bà Nguyễn Thị Tạc

– Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Phan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

– Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà **Đào Thị Diễm Linh** – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2024/TLST–DS ngày 15 tháng 01 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2024/QĐXX – ST ngày 24 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2024/ QĐST – DS ngày 12 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- 1. Nguyên đơn:* Ông **Phạm Đình K**
Địa chỉ: **1 H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 2. Bị đơn:* Ông Nguyễn Đỗ N
Địa chỉ: **38 H, TDP E, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**. (Vắng mặt)
- 3. Người có quyền nghĩa vụ liên quan:* Bà **Ngô Thị Hồng D**
Địa chỉ: **B Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Nguyên đơn ông **Phạm Đình K** trình bày:** Ngày 23/8/2023 ông **K** có cho ông **Nguyễn Đỗ N** vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 15 ngày, từ ngày 23/8/2023 đến ngày 07/9/2023. Hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 10%/năm. Ông **K** có nhờ bà **Ngô Thị Hồng D** chuyển khoản số tiền 200.000.000 đồng cho ông **N**. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng ông **N** không trả cho ông theo thỏa thuận. Khi vay ông **N** không thể chấp tài sản gì. Do đó yêu cầu Tòa án

giải quyết buộc ông **Nguyễn Đỗ N** trả cho ông **K** số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Ông **Phạm Đình K** xác định đây là khoản nợ ông **K** cho riêng ông **N** nợ không liên quan ai.

* **Tại bản tự khai ngày 12/7/2024 Bị đơn ông Nguyễn Đỗ N trình bày:** Khoảng năm 2023 ông **N** xác nhận có vay của ông **Phạm Đình K** số tiền 200.000.000 đồng. Lãi suất hai bên thỏa thuận. Hiện nay vẫn chưa thanh toán được số tiền này cho ông **K**. Do hoàn cảnh khó khăn, doanh nghiệp bị phá sản nên xin gia hạn thời hạn trả nợ.

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Hồng D trình bày:** Ngày 23/8/2023 ông **K** có nhắn tin cho bà **D** hỏi có tiền trong tài khoản khoảng 200 triệu thì chuyển khoản giúp ông **K** rồi ông **K** đưa tiền mặt. Bà **D** đã đồng ý và giúp ông **K** chuyển khoản qua số tài khoản MB của anh **Nguyễn Đỗ N** với nội dung chuyển khoản cho mượn, số tiền là 200.000.000 đồng lúc 11h30'. Sau đó ông **K** đã đưa lại tiền mặt cho bà **D** đầy đủ. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông **K** khởi kiện ông **N** trả lại số tiền 200.000.000 đồng và lãi thì bà **D** đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* **Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:**

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông **Phạm Đình K1**. Buộc bị đơn ông **Nguyễn Đỗ N** có nghĩa vụ trả cho ông **Phạm Đình K** số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Phạm Đình K** về giải quyết tính lãi suất 10% /năm trên số nợ gốc 200.000.000 đồng .

Về án phí: Bị đơn ông **Nguyễn Đỗ N** phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Bị đơn ông **Nguyễn Đỗ N** cư trú tại **thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông **Nguyễn Đỗ N** đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; Nguyên đơn ông **Phạm Đình K** và người có quyền nghĩa vụ liên quan bà **Ngô Thị Hồng D** có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về số nợ gốc:

Ông **Phạm Đình K** và ông **Nguyễn Đỗ N** có mối quan hệ quen biết nên ông **K** đã cho ông **N** vay tiền, cụ thể: Ngày 23/8/2023 ông **K** có nhắn tin cho bà **D** nhờ bà **D** chuyển khoản số tiền 200.000.000 đồng qua số tài khoản MB của anh **Nguyễn Đỗ N** với nội dung chuyển khoản cho mượn, lúc 11h30'. Quá trình tham gia tố tụng bà **D** tham gia và trình bày số tiền ông **K** nhờ bà **D** chuyển khoản dùm qua số tài khoản của bà chuyển cho ông **Nguyễn Đỗ N**, và hiện nay ông **K** đã trả lại cho bà **D** số tiền này, bà **D** không liên quan đến việc vay mượn giữa ông **K** và ông **N**. Tại bản tự khai ngày 12/7/2024 ông **N** xác nhận có nhận số tiền chuyển khoản mượn của ông **K**, hiện nay do hoàn cảnh khó khăn nên xin gia hạn thời gian trả nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn ông **N** vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Do vậy nguyên đơn ông **Phạm Đình K** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bị đơn ông **Nguyễn Đỗ N** trả cho ông **K** số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.2] Về số nợ lãi: Trong quá trình khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc và trả lãi theo quy định 10%/năm với số tiền là 821.918 đồng. Quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc theo quy định. Việc rút yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là tự nguyện, nên HĐXX đình chỉ giải quyết yêu cầu tính lãi suất 10%/năm với số nợ gốc 200.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Cụ thể: Ông **Nguyễn Đỗ N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên nghĩa vụ thực hiện. Cụ thể: $5\% \times 200.000.000 \text{ đồng} = 10.000.000 \text{ đồng}$ (Mười triệu đồng)

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 217; Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ: Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Phạm Đình K**

Buộc bị đơn ông **Nguyễn Đỗ N** có nghĩa vụ trả cho ông **Phạm Đình K** số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Phạm Đình K** về giải quyết tính lãi suất 10% /năm trên số nợ gốc 200.000.000 đồng.

– Về án phí Dân sự sơ thẩm: Ông **Nguyễn Đỗ N** phải chịu 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông **Phạm Đình K** không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 5.021.000 đồng (*Năm triệu không trăm hai mươi một ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà **Phạm Đình K** đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2023/0005074 ngày 04/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- CC THADS Tp. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Kim Cúc

